TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52 /2019/DS-PT
Ngày: 12 - 3 - 2019
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Trung
Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Hoàng
Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyện là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Dẽ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 12 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2019/TLPT-DS ngày 15 tháng 01 năm 2019 về việc: Tranh chấp đòi lại tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 189/2018/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 50 /2019/QĐ-PT ngày 12 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đầm Cùng, Xã T, huyện C, tỉnh C, .

- *Bị đơn:* Ông Võ Ngọc H, sinh Năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đông Hưng, Xã T, huyện C, tỉnh C, .

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Dương Bích L, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh C, .

Chị Quách Hồng Th, sinh năm 1984; Địa chỉ: Khóm 7, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Võ Ngọc H, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:* Vào ngày 20/8/2016 dl ông H và bà L có hỏi mượn bà 150.000.000 đồng, đến ngày 22/8/2016 bà chuyển số tiền 150.000.000 đồng qua số tài khoản 7505.205.151.942 Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam của ông H cho ông H. Khi mượn ông H hứa thời hạn 03 tháng trả nhưng

đến hạn mặc dù bà đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông H và bà T vẫn không trả. Ngày 31/10/2017 bà có làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cái Nước giải quyết buộc ông H, bà L trả số tiền nêu trên, khi Tòa án thụ lý giải quyết ông H và bà L năn nỉ hứa hẹn nên bà rút đơn lại đơn khởi kiện. Sau khi Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án ngày 17/11/2017 ông H và bà L vẫn không trả, nên bà yêu cầu ông H và bà L trả số tiền mượn 150.000.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- *Bị đơn ông Võ Ngọc H trình bày*: Ngày 10/6/2016 bà T có điện hỏi mượn ông số tiền là 20.000.000 đồng, ngày 12/7/2016 bà T tiếp tục điện hỏi mượn ôngthêm số tiền là 120.000.000 đồng, ông đã chuyển cho bà T tổng cộng 140.000.000 đồng qua số tài khoản của bà Quách Hồng Th. Khi chuyển xong ông có điện hỏi bà T nhận tiền được chưa thì bà T nói đã nhận được và rút rồi, việc mượn thì lãi thỏa thuận. Đến ngày 22/8/2016dl bà T chuyển trả cho ông 150.000.000 đồng bao gồm tiền vốn 140.000.000 đồng và tiền lãi 10.000.000 đồng. Ông H xác định bà T cung cấp đoạn ghi âm ông thừa nhận là giọng nói của ông H với bà T, nhưng chỉ là lời nói đùa, thật sự ông không nợ tiền bà T. Bà T yêu cầu ông và bà L trả số tiền là 150.000.000 đồng ông không đồng ý.

- Bà Dương Bích L trình bày: Bà L cho rằng việc bà T cho ông H mượn 150.000.000 đồng thì bà không biết, ngược lại ông H cho bà T mượn 140.000.000 đồng thì bà cũng không biết. Bà không đồng ý liên đới cùng ông H trả 150.000.000 đồng theo yêu cầu của bà T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 189 /2018/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước quyết định:

Chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T đối với ông Võ Ngọc H, bà Dương Bích L.

Buộc ông Võ Ngọc H, bà Dương Bích L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị T số tiền 150.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/11/2018, ông Võ Ngọc H có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại đơn kháng cáo ông H không đồng ý trả 150.000.000 đồng cho bà T với lý do: Trước đây ông H có cho bà T mượn 140.000.000 đồng, cụ thể ngày 10/6/2016 cho mượn 20.000.000 đồng, ngày 12/7/2016 cho mượn 120.000.000 đồng. Cả hai lần cho mượn đều chuyển vào số tài khoản 7504205105660 của bạn bà T tên Quách Hồng Th. Đến ngày 22/8/2016 bà T chuyển trả lại cho ông H thông qua tài khoản số 7504205151942 với số tiền 150.000.000 đồng, trong đó bao gồm tiền gốc 140.000.000 đồng và tiền lãi 10.000.000 đồng, vì vậy ông không đồng ý trả lại 150.000.000 đồng theo yêu cầu của bà T. Xét kháng cáo của ông Võ Ngọc H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 22/8/2016 bà T có chuyển số tiền 150.000.000 đồng cho ông H thông qua số tài khoản của ông H số 7504205151942 mở tại ngân hàng nông nghiệp chi nhánh huyện Cái Nước là thực tế có xảy ra, điều này đã được nguyên đơn và bị đơn cùng thừa nhận. Tuy nhiên ông H xác định đây là tiền bà T trả cho ông H, ngược lại bà T xác định đây là tiền bà T cho ông H mượn.

[2] Qua lời trình bày của các bên đương sự, tài liệu chứng cứ có trong hồ hơ vụ án thể hiện: Tại biên bản hòa giải ngày 31/10/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 20/11/2018 ông H thừa nhận nội dung File ghi âm ngày 20/6/2018, ngày 31/8/2018 do bà T cung cấp là giọng nói của ông H. Nội dung các File ghi âm thể hiện ông H thừa nhận có nợ bà T và đồng thời có cam kết trả nợ. Khi hai bên trao đổi nói chuyện qua lại ông H và bà T không đề cập đến số tiền 140.000.000 đồng ông H đã chuyển vào số tài khoản của chị Th để đối trừ số tiền 150.000.000 đồng bà T chuyển cho ông H. Như vậy phù hợp với lời trình bày của chị Th tại biên bản làm việc của Tòa án với chị Th ngày 27/9/2018. Theo đó chị Th xác định việc ông H chuyển 140.000.000 đồng vào tài khoản của chị Th là để trả cho khoản nợ ông H mượn trước của bà T. Khi cho mượn chị Th có trực tiếp chứng kiến bà T giao 140.000.000 đồng cho ông H tại đầu Kênh Cùng. Đến năm 2017 thì nghe bà T nói có cho ông H mượn 150.000.000 đồng đã đòi nhiều lần nhưng ông H không trả. Hơn nữa tại phiên tòa phúc thẩm bà L xác định ông H là công chức không có số tiền lớn như vậy để cho bà T mượn. Mặc khác các File ghi âm đều được thực hiện sau thời gian bà T chuyển cho ông H, ông H đều thừa nhận và cam kết trả cho bà T. Như vậy kể từ thời điểm ghi âm lần đầu ngày 20/6/2018 thì bản thân ông H cũng thừa nhận còn nợ bà T. Tuy nhiên ông H cho rằng trong lúc trao đổi nói chuyện qua điện thoại ông H thừa nhận có nợ và cam kết trả nợ chỉ là nói đùa, tại biên bản hòa giải ngày 31/10/2018 của Tòa án ông H chỉ ký ghi họ tên chứ không xem lại nội dung biên bản, bà T chuyển cho ông H 150.000.000 đồng là để trả cho ông H khoảng nợ 140.000.000 đồng vốn và 10.000.000 đồng lãi. Nhưng ngoài lời trình bày của mình thì ông H không có chứng cứ gì để chứng minh là có căn cứ và hợp pháp, vì vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận lời trình bày của ông H. Bởi thực tế theo giấy nộp tiền ngày 22/8/2016 bà T có chuyển cho ông H 150.000.000 đồng, ông H không có chứng cứ gì thể hiện đã chuyển trả lại cho bà T số tiền trên. Do đó cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà T buộc ông H trả lại số tiền 150.000.000 đồng là có cơ sở.

[3] Ngoài ra, tại các tin nhắn điện thoại được thể hiện dưới dạng văn bản của bà L nhắn tin với bà T vào các ngày 12/3/2018 và 24/6/2018 do bà T cung cấp bà L thừa nhận nội dung tin nhắn do bà T cung cấp là của bà L nhắn tin với bà T. Nội

dung các tin nhắn có thể hiện sự việc bà L biết ông H nhận tiền của bà T. Số tiền ông H nhận của bà T 150.000.000 đồng là khoản tiền lớn, thời điểm nhận tiền ông H với bà L vẫn còn là vợ chồng, sống chung gia đình. Tuy ông H và bà L cho rằng ông bà đã ly thân từ năm 2016, nên không biết ông H có nhận tiền của bà T hay không là không có cơ sở, vì vậy cấp sơ thẩm buộc bà L có nghĩa vụ liên đới cùng ông H trả cho bà T số tiền 150.000.000 đồng là phù hợp.

Do bà T không yêu cầu tiền lãi nên cấp sơ thẩm không giải quyết, vì vậy cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[4] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Võ Ngọc H, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm ông H phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Ngọc H

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 189/2018/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước

Chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T đối với ông Võ Ngọc H, bà Dương Bích L.

Buộc ông Võ Ngọc H, bà Dương Bích L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị T số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng ông H, bà L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Võ Ngọc H, bà Dương Bích L phải chịu số tiền là 7.500.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước. Bà Lê Thi T không phải chịu án phí, ngày 10/8/2018 bà T đã dự nộp án phí số tiền là 3.750.000 đồng, theo biên lai thu số 0004673 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước được nhận lại.

Án phí phúc thẩm ông Võ Ngọc H phải chịu 300.000 đồng. Ngày 23/11/2018 ông H đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004905 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước được chuyển thu.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Châu Minh Hoàng - Huỳnh Văn Út **Phạm Việt Trung**